TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PA** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2017/QĐST- HNGĐ	*Krông Pa, ngày 01 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 43/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017, giữ:

- Nguyên đơn: Anh Phan T1, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Phú T, huyện Krông P, tỉnh Gia L.

- Bị đơn: Chị Trương Thị Ngọc T2, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Phú T, huyện Krông P, tỉnh Gia L.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 69, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phan T1 và chị Trương Thị Ngọc T2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về *quan hệ hôn nhân*: Anh Phan T1 và chị Trương Thị Ngọc T2 được Ủy ban nhân dân xã Quảng Ph, huyện Quảng Đ, tỉnh Thừa Th cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 22/5/2013.

Nay, Anh Phan T1 và chị Trương Thị Ngọc T2 đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; họ không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau trong một

khoảng thời gian dài. Vì những nguyên nhân đó, anh Phan T1 và chị Trương Thị Ngọc T2 thuận tình ly hôn.

Về con: Anh Phan T1 và chị Trương Thị Ngọc T2 thống nhất giao con chung Phan Minh T3, sinh ngày 01/01/2013 cho anh Phan T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ ngày 23/11/2017 cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích cho anh Phan T1 biết quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của người trực tiếp nuôi con nhưng anh Phan T1 vẫn không yêu cầu chị T2 phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy hiện tại chị T2 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trương Thị Ngọc T2 có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh Phan T1.

Sau khi ly hôn, chị T2 có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở, anh T1 và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị T2 việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con.

Nếu chị Trương Thị Ngọc T2 lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì anh Phan T1 có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị Trương Thị Ngọc T2.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản : Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Thuận tình ly hôn các đương sự chỉ phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng, trong đó anh Phan T1 phải chịu 75.000 đồng và chị Trương Thị Ngọc T2 phải chịu 75.000 đồng. Anh Phan T1 tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí là 150.000 đồng cả phần của chị Trương Thị Ngọc T2 nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0005916 ngày 10/10/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho anh Phan T1 300.000đ – 150.000đ = 150.000đ *(một trăm năm mươi ngàn đồng)* chênh lệch.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện (01 bản);
- Phòng GĐKT – TAND Tỉnh(01 bản);
- UBND xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên;
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản).

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA
Thẩm Phán

Ksor Pep